TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/HC-PT
Ngày: 21-5-2024
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**
Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**
Ông **Võ Ngọc Thông.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 411/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2023/HC-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 779/2024/QĐPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: khối phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Xuân L. Địa chỉ: H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: số G H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh N - Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Đinh Hữu T1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Quang Đ - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Trần Ngọc H - Phó Chủ tịch UBND phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn M - Chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Minh H1, sinh năm 1983;

2. Bà Cao Thị H2, sinh năm 1980;

3. Ông Bùi Xuân H3, sinh năm 1973;

4. Bà Lương Thi Tuyết A, sinh năm 1979;

5. Ông Lương Quang T2, sinh năm 1985;

6. Ông Lương Quang T3, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Khối phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Quang T2*, ông* Lương Quang T3 *và bà* Lương Thị Tuyết A1*:* Ông Phạm Xuân L. Địa chỉ: H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Quang T2, ông Lương Quang T3, bà Lương Thị Tuyết A1 và người bị kiện là UBND thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị T được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 472335 ngày 20/10/2017 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 6, diện tích 414,7m^2 *(Gồm:* 200m^2 đất ở đô thị và 214,7 m^2 loại đất trồng cây lâu năm) tại phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam *(Gọi tắt là: thửa đất số 37)*. Do bị ảnh hưởng bởi Dự án Khớp nối hạ tầng khu phía bắc đường Đ (đoạn từ Bạch Đằng đến P) *(Sau đây gọi tắt là: Dự án khớp nối* đường Đ*)*, ngày 03/8/2022 UBND thành phố T đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 3420/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 thu hồi diện tích nêu trên của bà T *(Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 23/8/2022)*; Đồng thời ban hành Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị T *(Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022)* để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Bà T cho rằng diện tích đất của bà bị thu hồi không còn tiếp giáp với đường bê tông như khi cấp Giấy chứng nhận mà tiếp giáp với đường Điện Biên Phủ

nhưng UBND thành phố T áp dụng đơn giá bồi thường về đất không đúng quy định tại quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Q và phần hỗ trợ đất vườn ao không đúng Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh Q quy định về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, ngày 24/11/2023 bà T khởi kiện tại Toà án, ngày 10/4/2023, bà T bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định 3420/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Khớp nối hạ tầng khu phía Bắc đường Đ (đoạn từ B đến P). Hủy Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất. Huỷ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị T để GPMB xây dựng dự án: Khớp nối hạ tầng khu phía Bắc đường Đ (đoạn từ B đến P). Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lương Quang T3, Lương Quang T2 và bà Lương Thị Tuyết A1 cho rằng: Vợ chồng các ông bà: ông Lương Quang T3 và bà Lê Thị Minh H1, ông Lương Quang T2 và bà Cao Thị H2, Bùi Xuân H3 và bà Lương Thị Tuyết A1, cùng chung sống với bà T trên diện tích đất bị thu hồi và không có chỗ ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường P, thành phố T nơi bà T có đất bị thu hồi nhưng UBND thành phố T không giao đất ở có thu tiền sử dụng đất đối với các ông, bà là không đúng quy định. Do đó, ngày 13/02/2023 ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2 và bà Lương Thị Tuyết A1 có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Toà án giải quyết buộc UBND thành phố T giao cho các hộ Lương Quang T3, Lương Quang T2, Lương Thị Tuyết A1 mỗi hộ 01 lô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu độc lập của ông T3, ông T2, bà A1, vì:

UBND thành phố T đã ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà T theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, Thửa đất số 37 của bà T bị thu hồi không tiếp giáp với đường Đ mà tiếp giáp với đường bê tông. Bà T bị thu hồi 200m^2 đất ở và được bố trí 02 lô đất tái định cư, cụ thể ngày 10/01/2023, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 65/QĐ- UBND và Quyết định số 66/QĐ-UBND bố trí 02 lô đất tái định cư (lô số 04, diện tích 110,5 m^2 và lô số 05, diện tích 110,5 m^2 khu CL22 tại dự án đường Đ, cảnh quan hai bên đường (đoạn từ đường N đến đường B)), tổng diện tích đất ở tái định cư bà T được giao là 221m^2, lớn hơn diện tích đất ở bị thu hồi. Bà T đã thống nhất nhận 100% tiền bồi thường hỗ trợ và kí cam kết giao mặt bằng ngày 23/12/2022. Ngày 18/4/2023 bà T cũng đã có giấy thống nhất tự tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thi công công trình.

Theo quy định tại Điều 40 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q quy định diện tích đất ở được giao tại khu tái định cư: *"Được giao 02 (hai) lô đất ở tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân theo quy hoạch chi tiết phân lô được duyệt tại khu tái định cư nhưng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi và không vượt quá 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Hộ gia đình có 02 (hai) cặp vợ chồng đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc có 02 hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi"*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBNBD tỉnh Q sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quy định, theo đó sửa đổi bổ sung khoản 8 Điều 40 thành: "*Trường hợp đặc biệt phải giao đất ở tại khu tái định cư ngoài những quy định nêu trên, giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Chủ đầu tư và UBND cấp xã tham mưu UBND cấp huyện báo cáo đề xuất (nêu rõ nguyên nhân), gửi* Sở T5 *kiểm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Riêng trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì cho phép diện tích đất ở được giao tại khu tái định cư vượt diện tích đất ở thu hồi, cụ thể như sau:*

a) Hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi mà đủ điều kiện được giao đất ở tái định cư từ lô thứ hai trở lên theo quy định tại Điều 13 và khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

b) Diện tích đất ở được giao tại khu tái định cư cho phép giao vượt diện tích đất ở thu hồi: Đối với diện tích đất ở được giao tái định cư từ lô thứ hai trở lên được phép bố trí vượt diện tích đất ở thu hồi xác định theo quy hoạch chi tiết phân lô đất ở tái định cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá diện tích suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Quy định này, cụ thể: Khu vực 1: 70 m^2; Khu vực 2: 85 m^2; Khu vực 3: 100 m^2. Diện tích đất ở tái định cư bố trí vượt nêu trên được xác định trên tổng diện tích đất ở bố trí tái định cư so với tổng diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất".

Căn cứ quy định trên thì UBND thành phố T đã bố trí cho bà T 02 lô đất tái định cư là đúng quy định. Các hộ gia đình ông T3, ông T2, bà A1 cùng chung sống với bà T trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cá nhân bà T tức không cùng chung quyền sử dụng đất bị thu hồi, không có nhà ở trên đất nên không thuộc trường hợp giao đất ở tái định cư không thông qua đấu giá theo quy định của UBND tỉnh Q.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2023/HC-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc: Huỷ Quyết định 3420/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về

việc thu hồi đất và Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[2] Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; Điều 116; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6, khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 và số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Huỷ một phần Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị T để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Khớp nối hạ tầng khu phía Bắc đường Đ (đoạn từ B đến P) về nội dung bồi thường về đất.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ bà Nguyễn Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1 về việc: Buộc UBND thành phố T giao cho các hộ ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1, mỗi hộ 01 lô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong thời hạn luật định, người bị kiện kháng cáo 1 phần bản án sơ thẩm, các ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1 kháng cáo về việc: Buộc UBND thành phố T giao cho các hộ ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1, mỗi hộ 01 lô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Xuân L là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lương Quang T2, ông Lương Quang T3, bà Lương Thị Tuyết A1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa 1 phần bản án sơ thẩm giữ nguyên Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà

Nguyễn Thị T để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Khớp nối hạ tầng khu phía Bắc đường Đ (đoạn từ B đến P) về nội dung bồi thường về đất.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật TTHC không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo là ông Phạm Xuân L là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lương Quang T2, ông Lương Quang T3, bà Lương Thị Tuyết A1 cũng như kháng cáo của UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của Người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét vắng vắng mặt, người bị kiện kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2, Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về nội dung:

Ông Phạm Xuân L là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lương Quang T2, ông Lương Quang T3, bà Lương Thị Tuyết A1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa 1 phần bản án sơ thẩm giữ nguyên Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị T để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Khớp nối hạ tầng khu phía Bắc đường Đ (đoạn từ B đến P) về nội dung bồi thường về đất.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối vơi Quyết định số 3839/QĐ- UBND ngày 23/8/2022 của UBND thành phố T (Quyết định số 3839/QĐ- UBND) về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị T khi thu hồi đất, thì thấy:

Bà T cho rằng việc giá đất áp dụng để bồi thường, hỗ trợ đối với bà là chưa phù hợp, bởi lẽ: trước đây hướng Nam của thửa đất trên có mặt tiền giáp với đường bê tông của đường T. Năm 2015, thực hiện dự án đường Đ (hoàn thành vào năm 2018) thì không còn đường Trần Quốc T4 và cũng không còn đường bê tông

của đường T. Thửa đất số 37 của bà T có mặt tiền hướng Nam giáp với vỉa hè của đường Đ (đoạn B đến P).

Tuy nhiên qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như hồ sơ thửa đất, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 37 của bà T bị thu hồi không có cạnh nào tiếp giáp trực tiếp với đường Đ mà tiếp giáp với thửa đất của ông Lương Tâm E đã được nhà nước thu hồi dự án Đ trước đó nhưng chưa sử dụng còn bỏ trống nên bà T lấn chiếm, tận dụng thửa đất trống trên để sử dụng làm quán buôn bán và cho rằng vị trí thửa đất mà mình đang xử dụng nằm trên mặt tiền đường Đ. Dó đó việc bà T cho rằng vị trí thửa đất của mình nằm trên mặt tiền đường Đ nhưng không được bồi thường theo vị trí mặt tiền Điện Biên P là không đúng thực tế việc sử dụng đất, cho nên Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét chưa kỹ lưỡng, chưa đánh giá đầy đủ quá trình sử dụng đất của bà T cũng như tổng thể dự án đường Đ giai đoạn trước đó đã được chính quyền bồi thường cho các hộ dân khi làm đường Đ còn có một số thửa đất trống đã được đền bù nhưng chưa đưa vào khai thác dụng.

Theo Quyết định số 3839/QĐ- UBND thì bà T được bồi thường, hỗ trợ về đất với tổng số tiền 2.838.011.200 đồng, gồm: Bồi thường về đất 2.236.905.200 đồng, hỗ trợ đất vườn ao 601.106.000 đồng. Căn cứ biên bản tính giá trị bồi thường thì giá đất cụ thể bồi thường về đất ở là 11.060.000 đồng, giá đất trồng cây lâu năm 58.000 đồng, giá đất hỗ trợ đất vườn ao 2.800.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật cũng như quy định của UBND tỉnh Q khi đền bù và hỗ trợ và bố trí đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất .

Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ theo quy định của pháp luật, cần phải sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Quyết định 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về nội dung bồi thường về đất đối với hộ bà Nguyễn Thị T.

[3] Xét yêu cầu độc lập của ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1 về việc buộc UBND thành phố T giao cho các hộ Lương Quang T3, Lương Quang T2, Lương Thị Tuyết A1 mỗi hộ 01 lô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá, thì thấy:

[3.1] Bà Nguyễn Thị T bị thu hồi 200m^2 đất ở đô thị, ngày 10/01/2023, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 65/QĐ- UBND và Quyết định số 66/QĐ-UBND giao cho bà T 02 lô đất tái định cư (lô số 04, diện tích 110,5 m^2 và lô số 05, diện tích 110,5 m^2 khu CL22 tại dự án đường Đ, cảnh quan hai bên đường), tổng diện tích đất ở tái định cư bà T được giao là 221m^2, được hỗ trợ chênh lệch giữa giá đất ở bồi thường với giá đất tái định cư. Như vậy, khi thu hồi 200m^2 đất ở của bà T UBND thành phố T đã bồi thường bằng đất ở tái định cư cho bà T là đúng quy định về bồi thường khi thu hồi đất theo quy định tại Điều 74, Điều 79 Luật đất đai năm 2013.

[3.2] Tại thời điểm thu hồi thửa đất số 37 của bà T thì hộ ông T3, hộ ông T2, hộ bà A1 cùng chung sống với bà T trong ngôi nhà trên đất bị thu hồi và không có

nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường H nơi bà T có đất bị thu hồi, các hộ ông T3, hộ ông T2, hộ bà A1 được tách khẩu từ hộ bà T. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 472335 ngày 20/10/2017 thì thửa đất số 37 được cấp cho cá nhân bà T, không phải cấp cho hộ bà T nên hộ ông T3, hộ ông T2, hộ bà A1 không có chung quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37. Mặc khác, khi thu hồi đất của bà T các hộ ông T3, hộ ông T2, hộ bà A1 không có nhà ở trên đất bị thu hồi. Hộ ông T3, hộ ông T2, hộ bà A1 không có đất bị thu hồi. Do đó, các hộ ông T3, hộ ông T2, hộ bà A1, không thuộc đối tượng và không đủ điều kiện được giao đất ở tái định cư (Bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư) hoặc được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013, khoản khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 13, Điều 40 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh quảng N ban hành kèm theo Quyết định số: 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q.

[3.3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu độc lập của ông T3, ông T2, bà A1 về việc buộc UBND thành phố T giao cho các hộ ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1, mỗi hộ 01 lô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá là không có căn cứ nên không chấp nhận và giữ nguyên quyết định theo bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND thành phố T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Đối với yêu cầu độc lập của ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1 không được chấp nhận nên ông T3, ông T2, bà A1 mỗi người phải chịu án phí hành chính phúc thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính:

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND Thành phố T, không chấp nhận kháng cáo của người liên quan có yêu cầu độc lập, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; Điều 116; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6, khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 và số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[2.1] Giữ nguyên Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà

Nguyễn Thị T để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Khớp nối hạ tầng khu phía Bắc đường Đ (đoạn từ B đến P) về nội dung bồi thường về đất đối với hộ bà Nguyễn Thị T.

[2.2] Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1 về việc: Buộc UBND thành phố T giao cho các hộ ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1, mỗi hộ 01 lô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất, không thông qua đấu giá.

2. Về án phí: U không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã đóng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000052 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Ông Lương Quang T3, ông Lương Quang T2, bà Lương Thị Tuyết A1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000526; 0000527 và 0000529 cùng ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phùng Anh Dũng